

Bản án số: 48/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 30- 3 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Trung Dũng

- Ông Nguyễn Xuân Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thái Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX - ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1972. (có mặt tại phiên tòa)

Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện nay: Số 10/16 Khu phố T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1967

Nơi ĐKKHKT: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay anh Phạm Văn T đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) đề ngày 09/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Chị (Minh) và anh Phạm Văn T lấy nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2006 Anh T phạm tội về ma túy và bị xử phạt 7 tù, thời gian này vợ chồng đã sống xa cách, đến năm 2010 ra tù. Nhưng sau đó năm 2011 Anh T lại tiếp tục phạm tội về ma túy và bị xử phạt 17 năm tù. Hiện nay, Anh T đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Do vợ chồng đã sống xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 3 con chung là Phạm Thị Y, sinh ngày 28/5/1993; Phạm Thị Q, sinh ngày 18/4/1995 và Phạm Quang H, sinh ngày 07/07/1997. Do các con đều đã trưởng thành, tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai của anh thể hiện nội dung: Anh T thừa nhận về điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung của vợ chồng là đúng sự thật như lời khai của Chị M. Hiện tại anh Phạm Văn T còn phải cải tạo thi hành án phạt tù, nhưng Anh T không đồng ý ly hôn với Chị M. Anh T cho rằng Chị M phải vào trại thăm và nói chuyện với Anh T về nguyên nhân ly hôn để Anh T được rõ

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý của các đương sự; thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự; thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký tòa án thực hiện ghi biên bản về việc không tiến hành được phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, thực hiện nội dung, phương thức, thứ tự tranh tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- + Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn T.
- + Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, tự lập nên không xem xét giải quyết.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
- + Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay nguyên đơn là chị Trần Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Phạm Văn T. Theo quy định tại

khoản 1 điều 28, điểm b khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Bị đơn anh Phạm Văn T hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo tinh thần tại Nghị quyết 03/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đây thuộc vụ án không hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Chị Trần Thị M và anh Phạm Văn T lấy nhau có đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều nhân đó là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. kiện kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy quan hệ hôn nhân đó là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu về ly hôn: Theo Chị M khai nại, sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì Anh T liên tục phạm tội về ma túy, Anh T phải đi chấp hành án từ năm 2006 cho đến nay. Chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn, với lý do anh đề nghị Chị M phải thăm gặp anh để nói rõ nguyên nhân ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù Chị M không nêu rõ vợ chồng chị có mâu thuẫn không. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ năm 2006, Anh T bị Tòa án nhân dân các cấp 02 lần đưa ra xét xử về tội ma túy, năm 2006 đã bị tuyên phạt 07 năm tù đến năm 2010 được ra tù nhưng vợ chồng không gặp nhau. Đến năm 2011, Anh T lại tiếp tục phạm tội và bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 17 năm tù. Hiện nay Anh T đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”. Như vậy, việc Anh T phạm tội nhiều lần và phải chấp hành phạt tù trong thời gian dài đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị M được ly hôn Anh T.

- Đối với yêu cầu nuôi con chung: Chị Trần Thị M và anh Phạm Văn T có 03 con chung là Phạm Thị Y, sinh ngày 28/5/1993; Phạm Thị Q, sinh ngày 18/4/1995 và Phạm Quang H, sinh ngày 07/07/1997.

Các con chung của Chị M, Anh T đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M, Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 35; khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn anh Phạm Văn T.
2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Minh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Chị M đã nộp theo biên lai số 0004570 ngày 16 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc. Chị M đã nộp đủ án phí.
4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Thi hành ánDS h.Nghi Lộc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Đức Thúy